

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2018

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Biểu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Vang
2. Bà Đinh Thị Thườn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2017, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh N, sinh năm: 1981, địa chỉ: L7, xã V, huyện VT, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Bà Đinh Thị K, sinh năm: 1981, địa chỉ: L7, xã, huyện VT, tỉnh Bình Định.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/02/2018, được bổ sung bằng bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng ngày 05/3/2018 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đinh Thị K tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào tháng 6 năm 2000, đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2000 tại UBND xã H, huyện VT, tỉnh Bình Định.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do: Bà K không quan tâm đến trách nhiệm của một người vợ, người mẹ trong gia đình. Bà K thường xuyên hút thuốc, uống bia rượu thâu đêm suốt sáng, say xỉn, thậm chí đi uống rượu cả mấy ngày không về nhà, nhiều lần có những hành động quá mức thân mật với những người đàn ông khác, bị chính ông và nhiều người khác nhìn thấy. Ông và gia đình đã lựa lời khuyên bà K nhưng không có kết quả. Khi hôn nhân đang tồn tại, bà K thậm chí còn ngoại tình công khai và dẫn người đàn ông khác về nhà chung sống, thách thức ông, làm cho mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm, không

thể nào giải quyết được. Ông nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà K nên đã ra ngoài sống ly thân kể từ tháng 12/2017 cho đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn vợ là bà Đinh Thị K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, là cháu Đinh Giang Anh Q (sinh ngày: 20/12/2002) và cháu Đinh Giang Minh K (sinh ngày: 09/11/2004). Khi ly hôn, ông yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con theo nguyện vọng của các con chung, ông đồng ý giao các con chung cho bà K được trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung, mỗi cháu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2018 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng ngày 05/3/2018 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận về sự tự nguyện tìm hiểu, thời gian cưới, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như ông N trình bày là đúng thực tế. Bà nhận ra được lỗi của mình đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tuy nhiên bà không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N, bà tự hứa sẽ chấm dứt tất cả lỗi lầm của mình, bà mong cả hai vợ chồng cùng bỏ qua hết quá khứ để đoàn tụ, tiếp tục chung sống làm lại từ đầu, nhưng thực tế bà chưa thực hiện được giải pháp nào cụ thể vì bà cho rằng ông N không cho bà cơ hội.

Về con chung: Nếu ly hôn, bà chấp nhận theo yêu cầu của ông N. Bà trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, là cháu: Đinh Giang Anh Q (sinh ngày: 20/12/2002) và cháu Đinh Giang Minh K (sinh ngày: 09/11/2004), ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung, mỗi cháu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2018 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đinh N; Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông N và bà K về người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự thống nhất không yêu cầu; Về án phí sơ thẩm: Ông Đinh N chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn bà K cư trú tại huyện VT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân của ông Đinh N và bà Đinh Thị K được xác lập kể từ khi ông bà đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2000 tại UBND xã H, huyện VT, tỉnh Bình Định. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do bà K sống buông thả, vi phạm nghiêm trọng về tình nghĩa vợ chồng. Nay bà K tự hứa sẽ sửa đổi, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng thực tế bà không có giải pháp cụ thể. Tại phiên tòa, ông N kiên quyết ly hôn, bà K vì không thuyết phục được ông N nên bà cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Thực tế hiện nay, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông N.

- *Về con chung:* Ông N và bà K tự thỏa thuận thống nhất: Giao các con chung, là cháu: Đinh Giang Anh Q (sinh ngày: 20/12/2002) và cháu Đinh Giang Minh K (sinh ngày: 09/11/2004) cho bà K được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung, mỗi cháu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2018 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, có xem xét đến nguyện vọng của các con chung, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng phù hợp với thu nhập thực tế hiện tại của ông N, đảm bảo được quyền lợi của con, phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Ông Đinh N và bà Đinh Thị K thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Đinh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng).

[4]. Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của ông Đinh N, ông N được ly hôn bà Đinh Thị K.

[2]. *Về con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Đinh N và bà Đinh Thị K về việc thống nhất: Giao các con chung, là cháu: Đinh Giang Anh Q (sinh ngày: 20/12/2002) và cháu Đinh Giang Minh K (sinh ngày: 09/11/2004) cho bà K được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung, mỗi cháu 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), hình thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2018 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với mẹ. Sau khi ly hôn, ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Đinh N và bà Đinh Thị K thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí sơ thẩm:* Ông Đinh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng), khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03636 ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định. Ông N còn phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- CCTHADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
(UBND xã H, VT, Bình Định)
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Biểu